ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH BẢO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1897/QĐ-UBND	*Vĩnh Bảo, ngày 01 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn trên địa bàn xã Vĩnh Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH BẢO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội tại tờ trình số 74/TTr-VHXH ngày 25/9/2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn trên địa bàn xã Vĩnh Bảo.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Văn hóa-Xã hội; Thủ trưởng các có quan, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị có liên quan, các cơ sở thôn và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị, thôn;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VĨNH BẢO TP HẢI PHÒNG

Phạm Minh Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH BẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn trên địa bàn xã Vĩnh Bảo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 01tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bảo)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định tổ chức, hoạt động của thôn trên địa bàn xã Vĩnh Bảo;

b) Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bảo;

b) Thôn; cộng đồng dân cư tại thôn trên địa bàn xã Vĩnh Bảo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Thôn

1. Thôn được tổ chức tại xã.

2. Thôn là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã; là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của thôn

1. Tổ chức của thôn phải bảo đảm tinh gọn, hiệu quả; phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.

2. Bảo đảm và đề cao tính tự quản của cộng đồng dân cư; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng; giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương.

3. Hoạt động của thôn phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; phân định

rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã.

4. Hoạt động của thôn phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Trưởng thôn với Bí thư chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của thôn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tạo thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động cộng đồng và phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong các hoạt động tại địa bàn.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN

Điều 4. Tổ chức của thôn

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn là người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo quy định của pháp luật.

2. Mỗi thôn có các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn để hỗ trợ Trưởng thôn hoặc thực hiện các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư. Số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với từng chức danh người tham gia hoạt động ở thôn thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn

1. Hoạt động tự quản của thôn do cộng đồng dân cư thảo luận, quyết định và tổ chức thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, hương ước, quy ước của thôn, phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn, gồm:

a) Bàn và quyết định chủ trương, mức đóng góp của Nhân dân để xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống cộng đồng trong phạm vi thôn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân trong cộng đồng dân cư ngoài các khoản đóng góp do pháp luật quy định; quản lý, sử dụng các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn theo quy định của pháp luật; trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành;

d) Tổ chức các hoạt động tự quản trong cộng đồng dân cư bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp và truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư; bảo vệ môi trường; phòng, chống các tệ nạn xã hội; chăm lo sức khỏe cộng đồng; khuyến khích các hoạt động tương trợ, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng;

đ) Tổ chức thực hiện việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn; bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật;

e) Tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư do chính quyền địa phương cấp xã lấy ý kiến theo quy định của Luật số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

g) Biện pháp khuyến khích các hoạt động tự quản, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư; phát huy vai trò của các tổ chức tự quản, các tổ, nhóm cộng đồng trong việc xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội tại địa bàn;

h) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

2. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã được thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã; phù hợp với chức năng tự quản của cộng đồng dân cư, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, gồm:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

b) Tổng hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; tham gia trao đổi, phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong việc xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn;

c) Hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã trong việc cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến cộng đồng dân cư tại địa bàn để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp công khai thông tin, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân;

đ) Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các hoạt động cộng đồng khác trên cơ sở vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân, phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn;

e) Hỗ trợ triển khai chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư; tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống xã hội;

g) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Trưởng thôn với Ban Công tác Mặt trận; các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn nhằm bảo đảm sự phối hợp thống nhất, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động tại địa bàn;

h) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng thôn chủ trì, phối hợp với Bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác Mặt trận và các tổ chức có liên quan xây dựng, thực hiện quy chế phối hợp theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều này.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan gồm:

1. Nhiệm vụ trong tổ chức, điều hành hoạt động của thôn

a) Chủ trì hội nghị thôn; tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tổ chức để cộng đồng dân cư bàn, quyết định đối với các nội dung thuộc phạm vi Nhân dân bàn và quyết định; tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi phải lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Tổ chức thực hiện và theo dõi việc thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư đã được Nhân dân trong thôn thông qua; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện;

c) Tổ chức triển khai các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật và hương ước, quy ước của thôn;

d) Phối hợp với Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản khác trong tổ chức các hoạt động của cộng đồng dân cư, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa bàn;

đ) Đại diện cho thôn trong các quan hệ liên quan đến hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo kết quả hoạt động của thôn trước hội nghị thôn theo định kỳ hằng năm hoặc khi cần thiết.

2. Nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ do chính quyền cấp xã giao

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; thực hiện dân chủ ở cơ sở và các phong trào, cuộc vận động tại địa bàn;

b) Nắm tình hình đời sống cộng đồng dân cư; tập hợp, phản ánh với chính quyền địa phương cấp xã các kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh tại địa bàn; tham gia hòa giải ở cơ sở, giữ gìn đoàn kết trong cộng đồng dân cư;

c) Vận động Nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư tại địa bàn;

d) Phối hợp với Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức tự quản khác ở thôn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc hỗ trợ triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn;

đ) Phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức cho Nhân dân tham gia giám sát các công trình, dự án, các khoản đóng góp của Nhân dân và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại địa bàn;

e) Tổ chức tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, tổ chức phòng thủ dân sự và bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn theo quy định của pháp luật;

g) Khuyến khích, hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, tiện ích số và dịch vụ công trực tuyến phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; phối hợp cung cấp thông tin cần thiết phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

3. Quyền hạn

a) Đại diện cho thôn trong các quan hệ liên quan đến hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật; là người đại diện cho cộng đồng dân cư ký hợp đồng về xây dựng công trình do Nhân dân trong thôn đóng góp kinh phí và đã được hội nghị thôn thông qua;

b) Được mời tham gia các cuộc họp của chính quyền địa phương cấp xã liên quan đến việc triển khai các công việc liên quan trực tiếp đến cộng đồng dân cư;

c) Căn cứ quy định của Hội đồng nhân dân thành phố về số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, Trưởng thôn lựa chọn người tham gia hoạt động ở thôn sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng ban Công tác Mặt trận ở thôn. Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận và cho thôi làm người tham gia hoạt động ở thôn;

d) Phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho người tham gia hoạt động ở thôn hỗ trợ Trưởng thôn thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều này;

đ) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Hội nghị cộng đồng dân cư

1. Việc tổ chức Hội nghị cộng đồng dân cư thực hiện theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Khuyến khích việc thông báo, lấy ý kiến Nhân dân bằng các hình thức điện tử phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 8. Nơi sinh hoạt, hội họp của Nhân dân trong thôn

1. Thôn được sử dụng nhà văn hóa, trung tâm sinh hoạt cộng đồng hoặc công trình công cộng hợp pháp khác làm nơi sinh hoạt, hội họp của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp từ cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân để xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của thôn theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 9. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Khuyến khích các thôn trên địa bàn xã:

1. Sử dụng nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp để thông tin, tuyên truyền đến Nhân dân.

2. Số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ hoạt động của thôn theo quy định của pháp luật.

3. Khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu, nền tảng số và các ứng dụng phục vụ quản lý cộng đồng dân cư.

4. Thực hiện lấy ý kiến Nhân dân bằng hình thức điện tử khi đáp ứng điều kiện kỹ thuật và bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUY TRÌNH BẦU, CHO THÔI LÀM TRƯỞNG THÔN

Điều 10. Nguyên tắc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn

1. Việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn được thực hiện theo quy định của Luật số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn phải bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân; bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự phối hợp của Ban công tác Mặt trận và sự quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.

3. Đại diện các hộ gia đình trong thôn tham gia các cuộc họp cộng đồng dân cư để bầu, cho thôi làm Trưởng thôn theo quy định của pháp luật.

4. Việc bầu Trưởng thôn được thực hiện thống nhất ngay sau Đại hội Chi bộ thôn.

Điều 11. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn hoặc quyết định bầu lại; trường hợp không ban hành quyết định công nhận hoặc quyết định bầu lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trưởng thôn chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 12. Cho thôi làm Trưởng thôn

1. Trưởng thôn được xem xét cho thôi làm nhiệm vụ trong các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Việc tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư, trình tự, thủ tục, hồ sơ và thẩm quyền quyết định cho thôi làm Trưởng thôn thực hiện theo quy định của Luật số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 13. Trường hợp khuyết Trưởng thôn

1. Khi khuyết Trưởng thôn hoặc trong trường hợp thành lập mới, sắp xếp, tổ chức lại thôn mà chưa bầu được Trưởng thôn thì Ủy ban nhân dân xã chỉ định Trưởng thôn lâm thời để điều hành hoạt động của thôn cho đến khi bầu được Trưởng thôn trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn lâm thời.

2. Người được chỉ định lâm thời có trách nhiệm điều hành các hoạt động thường xuyên của thôn cho đến khi bầu được Trưởng thôn theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn là 05 năm. Trong trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức bầu cử đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân xã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn thực hiện thống nhất theo nhiệm kỳ của Bí thư Chi bộ thôn.

Chương IV
THÀNH LẬP, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN THÔN

Điều 15. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp; phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa bàn, quy mô dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ tổ chức và hoạt động của cộng đồng dân cư. Chính quyền địa phương cấp xã có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết cho tổ chức và hoạt động của thôn.

2. Việc thành lập thôn phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống, điều kiện đặc thù của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

4. Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn cần xem xét kỹ lưỡng các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, dân tộc, tôn giáo, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của

người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

5. Việc giải thể thôn được thực hiện trong trường hợp cần thiết do thay đổi các yếu tố địa lý, địa hình, do sắp xếp, tổ chức lại thôn hoặc do thực hiện phương án bồi thường, tái định cư.

6. Việc xác định loại hình thôn và đặt tên thôn được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn.

7. Việc đặt tên thôn phải bảo đảm ngắn gọn, dễ nhớ, dễ viết, dễ phát âm, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp; thể hiện được bản sắc, truyền thống địa phương, không trùng tên với thôn khác trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã. Ưu tiên kế thừa tên gọi hiện có hoặc tên gọi phù hợp với thực tiễn địa bàn; trường hợp cần thiết có thể sử dụng số thứ tự để đặt tên.

8. Việc đổi tên thôn được thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn.

Điều 16. Tiêu chuẩn của thôn

Quy mô số hộ gia đình và các tiêu chuẩn có liên quan đối với thôn trên địa bàn xã thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 17. Trường hợp phát sinh nội dung đặc thù

Trường hợp phát sinh nội dung đặc thù liên quan đến tiêu chuẩn, tổ chức, sắp xếp thôn thì thực hiện theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 18. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn

1. Căn cứ quy định của pháp luật và Quy chế này, Ủy ban nhân dân xã xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn để lấy ý kiến cộng đồng dân cư và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm công khai Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn và tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở để làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

Căn cứ kết quả lấy ý kiến, Ủy ban nhân dân xã xây dựng Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến cộng đồng dân cư, trong đó thể hiện rõ số lượng cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được lấy ý kiến; số lượng, tỷ lệ ý kiến đồng ý, không đồng ý và ý kiến khác; nội dung tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến tham gia.

3. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

4. Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã trình, Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định việc ban hành Nghị quyết về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn tại kỳ họp gần nhất.

Điều 19. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể, đổi tên thôn; ghép cụm dân cư vào thôn hiện có

1. Trường hợp giải thể thôn:

a) Ủy ban nhân dân xã xây dựng Tờ trình về việc giải thể thôn, kèm theo danh sách các hộ gia đình thuộc thôn thực hiện giải thể; trong đó xác định rõ lý do giải thể; phạm vi, số hộ gia đình bị ảnh hưởng; phương án sắp xếp cộng đồng dân cư; phương án bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ đang thực hiện và các điều kiện bảo đảm ổn định đời sống cộng đồng dân cư sau giải thể;

b) Ủy ban nhân dân xã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với Tờ trình về việc giải thể thôn theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia;

c) Hồ sơ giải thể thôn thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP;

d) Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã trình, Hội đồng nhân dân xã xem xét, ban hành Nghị quyết về giải thể thôn tại kỳ họp gần nhất.

2. Trường hợp đổi tên thôn:

a) Ủy ban nhân dân xã xây dựng Phương án đổi tên thôn, trong đó nêu rõ lý do đổi tên và tên gọi của thôn sau khi đổi tên;

b) Ủy ban nhân dân xã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư về Phương án đổi tên thôn bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia;

c) Hồ sơ đổi tên thôn thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP;

d) Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân xã, Hội đồng nhân dân xã xem xét, ban hành Nghị quyết về đổi tên thôn tại kỳ họp gần nhất.

3. Trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn hiện có:

a) Trường hợp khu vực dân cư mới hình thành chưa đủ điều kiện để thành lập thôn theo quy định thì Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền địa phương cấp xã và các hoạt động của thôn;

b) Ủy ban nhân dân xã xây dựng Phương án ghép cụm dân cư vào thôn hiện có, trong đó nêu rõ sự cần thiết, phạm vi cụm dân cư được ghép, số hộ gia đình, thôn tiếp nhận và các điều kiện bảo đảm tổ chức hoạt động sau khi ghép;

c) Ủy ban nhân dân xã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư tại cụm dân cư được ghép và thôn tiếp nhận bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia;

d) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP;

đ) Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân xã, Hội đồng nhân dân xã xem xét, ban hành Nghị quyết ghép cụm dân cư vào thôn hiện có theo thẩm quyền.

4. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về giải thể, đổi tên thôn hoặc ghép cụm dân cư vào thôn hiện có phải được công khai để Nhân dân biết và tổ chức thực hiện theo quy định.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

1. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của thôn trên địa bàn.

2. Tổ chức thực hiện việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Quản lý, lưu trữ hồ sơ; thực hiện bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu và các nhiệm vụ có liên quan khi thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể thôn hoặc khi có sự thay đổi Trưởng thôn.

5. Bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của cộng đồng dân cư và việc thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn.

Điều 21. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa - Xã hội

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân xã hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu các nội dung về tổ chức, hoạt động; thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định.

3. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn theo Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Quy chế; tham gia giám sát việc thực hiện Quy chế theo quy định của pháp luật; phối hợp tạo sự đồng thuận trong quá trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn.

Điều 24. Trách nhiệm của Trưởng thôn

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và các nội dung hoạt động của thôn theo Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Bí thư chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn trong tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

3. Kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của Nhân dân đến Ủy ban nhân dân xã để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn và cá nhân có liên quan phản ánh về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp, xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định./.